

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2011

Mẫu số B 01-DN/HN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các quy định về sửa đổi,
bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN		Mã	Thuyết	30/09/2011	31/12/2010
		số	minh	VND	VND
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.082.612.320.367	963.929.555.880
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		10.657.388.327	17.120.367.903
1.	Tiền	111	5	10.657.388.327	17.120.367.903
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		68.610.707.554	51.129.707.554
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	6	68.610.707.554	51.129.707.554
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III.	Các khoản phải thu	130		593.073.806.285	540.720.474.674
1.	Phải thu của khách hàng	131		360.118.317.819	241.197.835.377
2.	Trả trước cho người bán	132		111.236.155.119	152.261.690.828
3.	Phải thu nội bộ	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch HD xây dựng	134		-	-
3.	Các khoản phải thu khác	135	7	121.719.333.347	147.260.948.469
6.	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		380.163.916.865	333.230.064.606
1.	Hàng tồn kho	141	8	380.163.916.865	333.230.064.606
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		30.106.501.336	21.728.941.143
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	1.921.818.952	924.560.915
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.004.215.411	6.064.397.469
3.	Các khoản thuế phải thu Nhà nước khác	154	10	1.935.287.685	515.766.880
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	11	20.245.179.288	14.224.215.879
B	TÀI SẢN DÀI HẠN			658.574.514.823	474.993.536.029
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II.	Tài sản cố định	220		522.782.852.730	387.122.866.636
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	12	184.164.019.225	97.382.256.704
	- Nguyên giá	222		228.125.614.734	132.971.557.958
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(43.961.595.509)	(35.589.301.254)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	6.243.073.241	7.265.646.574
	- Nguyên giá	225		12.056.652.350	12.186.724.645
	- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(5.813.579.109)	(4.921.078.071)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	14	95.535.980.723	95.533.115.757
	- Nguyên giá	228		95.795.093.510	95.712.728.510
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(259.112.787)	(179.612.753)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	15	236.839.779.541	186.941.847.601
III.	Bất động sản đầu tư	240	16	66.720.417.973	66.720.417.973
	- Nguyên giá	241		66.720.417.973	66.720.417.973
	- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		57.639.226.575	15.600.000.000
1.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		8.341.010.169	-
2.	Đầu tư dài hạn khác	258	17	49.298.216.406	15.600.000.000
V.	Tài sản dài hạn khác	260		11.432.017.545	5.550.251.420
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	18	8.388.119.462	3.827.019.819
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.648.698.083	882.031.601

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 09 năm 2011

3.	Tài sản dài hạn khác	268	19	395.200.000	841.200.000
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.741.186.835.190	1.438.923.091.909
	NGUỒN VỐN	Mã	Thuyết	30/09/2011	31/12/2010
		số	minh	VND	VND
A	NỢ PHẢI TRẢ	300		1.211.753.006.447	941.847.896.450
I.	Nợ ngắn hạn	310		818.202.574.507	825.585.475.497
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	20	371.537.457.318	337.947.162.219
2.	Phải trả cho người bán	312		223.519.140.306	227.266.909.313
3.	Người mua trả tiền trước	313		40.764.136.311	12.826.438.797
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	21	25.113.027.199	25.215.217.113
5.	Phải trả người lao động	315		2.980.206.207	3.884.742.222
6.	Chi phí phải trả	316	22	16.180.315.245	4.892.098.219
7.	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	23	137.386.305.281	213.167.606.080
8.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		721.986.640	385.301.534
II.	Nợ dài hạn	330		393.550.431.940	116.262.420.953
1.	Phải trả dài hạn khác	333		327.000.000	327.000.000
2.	Vay và nợ dài hạn	334	24	171.933.435.832	108.067.242.274
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		(12.064.824)	
3.	Doanh thu chưa thực hiện	338	25	7.902.060.932	7.868.178.679
9.	Chứng khoán phát Hành	339		213.400.000.000	
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		422.465.353.324	397.862.742.199
I	Vốn chủ sở hữu	410		422.465.353.324	397.862.742.199
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	26	320.098.270.000	291.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	26	3.442.712.000	13.335.942.000
3.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	26	150.307.615	797.041.140
4.	Quỹ đầu tư phát triển	417	26	8.436.005.524	6.303.832.983
5.	Quỹ dự phòng tài chính	418	26	1.872.976.589	1.667.966.786
6.	Lợi nhuận chưa phân phối	420	26	88.465.081.596	84.757.959.290
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	420			
C	LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		106.968.475.419	99.212.453.260
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		1.741.186.835.190	1.438.923.091.909

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TT	CHỈ TIÊU		30/09/2011	31/12/2010
	Ngoại tệ các loại	USD	2.797,88	84.497,19

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 09 năm 2011



Tổng Giám đốc
Nguyễn Đình Trạc

Gia Lai, ngày 16 tháng 11 năm 2011

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Tùng

Người lập biểu

Trần Thị Tinh Tú

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2011

Mẫu số B 02-DN/HN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các quy định về sửa đổi,
bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay VND	Năm trước VND	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	193.957.919.505	156.717.191.177	626.897.258.447	801.147.334.241
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	28.025.455	71.146.501	5.532.466.385	115.195.149
Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10	27	193.929.894.050	156.646.044.676	621.364.792.062	801.032.139.092
Giá vốn hàng bán	11	28	167.221.491.973	128.165.912.798	525.259.457.776	689.990.942.890
Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ	20		26.708.402.077	28.480.131.878	96.105.334.286	111.041.196.202
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	4.402.159.421	2.726.078.736	18.460.217.158	4.046.742.591
Chi phí tài chính	22	30	10.746.528.762	5.836.548.457	48.828.669.309	16.669.764.310
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		7.881.341.373	5.681.427.875	34.506.569.720	16.236.680.907
Chi phí bán hàng	24		622.212.328	1.246.337.823	2.561.315.993	3.677.282.931
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.831.350.982	4.654.108.339	23.399.879.675	15.610.734.406
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.910.469.426	19.469.215.995	39.775.686.467	79.130.157.146
Thu nhập khác	31	31	55.107.620	479.364.782	4.005.578.915	2.164.113.435
Chi phí khác	32	32	348.171.928	427.543.028	4.578.355.945	1.223.882.313
Lợi nhuận khác	40		(293.064.308)	51.821.754	(572.777.030)	940.231.122
Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45			-	(559.755.831)	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	33	11.617.405.118	19.521.037.749	38.643.153.606	80.070.388.268
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	3.172.204.998	4.929.390.526	11.791.831.808	20.734.085.667
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	(277.778.928)		(1.819.422.181)	9.042.416
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	33	8.722.979.048	14.591.647.223	28.670.743.979	59.345.345.017
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		306.219.912	299.959.637	1.750.821.363	1.328.979.315
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		8.416.759.136	14.291.687.586	26.919.922.616	58.016.365.702
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	262,94	491,12	840,99	1.993,69



Nguyễn Đình Trạc

Gia Lai, ngày 16 tháng 11 năm 2011

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Tùng

Người lập biểu

Trần Thị Tinh Tú

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2011

Mẫu số B 03-DN/HN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các quy định về sửa đổi,
bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	9 tháng đầu năm 2011 VND	9 tháng đầu năm 2010 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	546.382.411.769	802.043.100.878
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(596.392.392.885)	(725.095.667.967)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(23.403.009.209)	(11.056.806.932)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(35.913.198.437)	(20.157.248.968)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(3.946.016.955)	(498.574.951)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	509.787.359.013	188.035.066.224
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(561.043.928.069)	(307.876.859.005)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(164.528.774.773)	(74.606.990.721)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(77.212.579.699)	(15.752.081.450)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	5.169.736.675	5.870.961.630
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(28.576.940.000)	(15.230.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	2.669.270.000	1.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(8.900.766.000)	(61.825.240.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	11.991.865.330
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.232.618.281	1.239.222.891
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(105.618.660.743)	(72.705.271.599)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	13.652.613.077	134.437.000.000
2. Tiền chi trả VG cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	(350.000.000)	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	672.569.194.669	374.191.486.936
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(420.502.550.677)	(302.161.192.500)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(600.555.000)	(1.274.001.456)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(3.735.589)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	264.768.702.069	205.189.557.391
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(5.378.733.447)	57.877.295.071
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	17.120.367.903	13.438.427.649
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	(1.084.246.129)	176.315.164
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	10.657.388.327	71.492.037.884



Nguyễn Đình Trạch

Gia Lai, ngày 16 tháng 11 năm 2011

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Tùng

Người lập biểu

Trần Thu Tinh Tú

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (tên giao dịch bằng tiếng Anh là Duc Long Gia Lai Group JSC, sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5900415863 ngày 13 tháng 06 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 04/04/2011. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Trồng cây cao su;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Khai thác quặng sắt; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ); Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị); Cho thuê văn phòng;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao (Chi tiết: Phát hành vé xem thi đấu thể thao);
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp (Chi tiết: Mua bán phân bón);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị chuyên dùng và phụ tùng ngành: Cầu đường, dân dụng và công nghiệp);
- Cơ sở lưu trú khác (Chi tiết: Khách sạn); Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến (Chi tiết: Mua bán gỗ có nguồn gốc hợp pháp);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động công ty nắm giữ tài sản;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác;
- Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm từ xăng dầu); Đại lý mua bán các chất bôi trơn làm sạch động cơ;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Hoạt động thể thao khác; Quảng cáo;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Cát tạo dáng và hoàn thiện đá (Chi tiết: Sản xuất đá chẻ, cát đá tạo hình theo yêu cầu xây dựng); Chế biến khoáng sản;
- Hoạt động tư vấn quản lý.

Các Công ty con được hợp nhất

✓ Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Đức Long Gia Lai

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô C4, đường số 4, KCN Trà Đa, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Cưa xẻ bào gỗ và bảo quản gỗ; Mua bán gỗ các loại; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật khác; Tư vấn thiết kế về trang trí nội thất; Mua bán máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu.
- Vốn điều lệ: 40.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 80,25%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai

- Địa chỉ trụ sở chính: 43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải bằng đường bộ; Vận tải khách bằng xe buýt; Vận tải khách theo tuyến cố định; Vận tải hàng; Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; Dịch vụ ăn uống khác; Đại lý mua bán các chất bôi trơn, làm sạch động cơ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Bán buôn tổng hợp; Hoạt động vui chơi, giải trí khác chưa được phân vào đâu; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe; Cho thuê văn phòng; Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm của chúng; Vận tải hành khách theo hợp đồng; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác.
- Vốn điều lệ: 18.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 54,67%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ Công ty TNHH Khai thác và Chế biến đá Granit Đức Long Gia Lai

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô E6 Khu Công Nghiệp Trà Đa, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác đá; Cát tạo dáng và hoàn thiện đá; Sản xuất đá chẻ, cát đá theo yêu cầu xây dựng; Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác quặng sắt.
- Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 66,67%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ Công ty TNHH Cung ứng Nguyên vật liệu vật tư & Thiết bị Đức Long Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Địa chỉ trụ sở chính: 02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
 - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Mua bán vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội, ngoại thất; Bán buôn kim loại và quặng kim loại: Mua bán kim loại; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Mua bán máy móc, thiết bị chế biến gỗ, chế biến đá.
 - Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 100,00%.
 - Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- ✓ **Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện năng Đức Long Gia Lai**
- Địa chỉ trụ sở chính: 43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
 - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Đầu tư xây dựng, vận hành các công trình thủy điện lớn; Đầu tư xây dựng, vận hành các công trình thủy điện vừa và nhỏ; Xây dựng các công trình thủy lợi, đập, hệ thống tưới tiêu; Xây dựng công trình thủy công thuộc công trình thủy điện lớn; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng vỏ bao che công trình công nghiệp; Đầu tư cung cấp nước sạch, Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Chế biến vật liệu xây dựng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Khoan phụt, xử lý và gia cố nền móng công trình xây dựng; Xây dựng nhà các loại; Đầu tư, xây dựng, quản lý khu du lịch sinh thái; Nuôi trồng thủy sản; Chế tạo, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy nông; Chế tạo, lắp đặt thiết bị thủy điện.
 - Vốn điều lệ: 90.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
 - Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- ✓ **Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai**
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 43 Lý Nam Đế, phường Trà Bá, Thành phố Pleiku.
 - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, công trình cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường, công trình giao thông, công trình hạ tầng cơ sở, đường dây và trạm biến áp đến 35KV; Lắp đặt công trình thủy lợi, thủy điện, công trình cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường, công trình giao thông, công trình hạ tầng cơ sở, đường dây và trạm biến áp đến 35KV; Sản xuất, chế tạo vật tư, cơ khí, thiết bị điện, điện tử, thiết bị thông tin liên lạc, tự động hóa chuyên ngành cho các công trình thủy điện, thủy lợi, cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường; Mua bán vật tư cơ khí, thiết bị điện, điện tử, thiết bị thông tin liên lạc, tự động hóa chuyên ngành cho các công trình thủy điện, thủy lợi, cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường; Quảng cáo; Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội thất; Dịch vụ lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các mặt hàng công ty kinh doanh; Đầu tư, quản lý dự án công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy điện, thủy lợi; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật khác; Xây dựng công trình thủy điện, thủy lợi; Phá dỡ công trình; Chuẩn bị mặt bằng xây dựng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ điện, cơ khí thủy công, các công trình công nghiệp, dân dụng và nhà máy thủy điện.
 - Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
 - Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- ✓ **Công ty Cổ phần Dịch vụ Công cộng Đức Long Bảo Lộc**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Địa chỉ trụ sở chính: Phường Lộc Sơn, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Vận tải khách bằng xe buýt, vận tải khách theo tuyến cố định; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Đầu tư xây dựng bến bãi; Dịch vụ ăn uống; Đại lý mua bán xăng, dầu và các sản phẩm liên quan; Đại lý mua bán chất bôi trơn và làm sạch động cơ; Dịch vụ lưu trú; Bán buôn tổng hợp; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe.
- Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 56,56%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- ✓ **Công ty Cổ phần Trồng rừng và cây Công nghiệp Đức Long Gia Lai**
 - Địa chỉ trụ sở chính: Số 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
 - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Trồng cây cao su; Trồng cây lâu năm khác; Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Khai thác gỗ rừng trồng; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xử lý hạt giống để nhân giống.
 - Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 95,00%.
 - Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- ✓ **Công ty Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Đức Long Gia Lai**
 - Địa chỉ trụ sở chính: 5/21 Nguyễn Cửu Đàm, P. Tân Sơn Nhì, Q. Tân Phú, Tp HCM.
 - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Kinh doanh dịch vụ bảo vệ.
 - Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 80,00%.
 - Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- ✓ **Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất Động Sản Đức Long Gia Lai**
 - Địa chỉ trụ sở chính: 308 – 310, Cao Thắng, Phường 12, Quận 10, Thành phố HCM.
 - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Kinh doanh bất động sản; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Sản xuất, mua bán hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở); Mua bán hàng kim khí điện máy, hàng thủ công mỹ nghệ, gốm, sứ, văn phòng phẩm, thiết bị văn phòng; Khai thác khoáng sản (không khai thác tại trụ sở); Kinh doanh vận chuyển hàng bằng ô tô; Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư. Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán). Lập tổng dự toán và dự toán. Tư vấn đấu thầu. Quản lý dự án. Cho thuê máy móc – thiết bị công trình xây dựng; Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn, nhà hàng (không kinh doanh khách sạn, nhà hàng tại trụ sở); Kinh doanh dịch vụ quảng cáo. Dịch vụ giữ xe. Dịch vụ cầm đồ. Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế. Đào tạo nghề.
 - Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 55,00%.
 - Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- ✓ **Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Nam Nguyên**
 - Địa chỉ trụ sở chính: 308 – 310, Cao Thắng, Phường 12, Quận 10, Thành phố HCM.
 - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Giám sát thi công công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán thiết bị. Lắp đặt hệ thống điện lạnh. Mua bán, sửa chữa máy móc, thiết bị ngành điện lạnh (không tái chế phế thải, gia công cơ khí, và xi mạ điện tại trụ sở); Môi giới thương mại, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Xây dựng nhà các loại. Xây dựng công trình đường bộ. Xây dựng công trình công ích; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện.

- Vốn điều lệ: 9.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Minh Long Gia Lai

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Hòa Bình, Thị trấn Nhơn Hòa, Huyện Chư Puh, Tỉnh Gia Lai
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác quặng sắt, quặng kim loại không chứa sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm (không khai thác tại tỉnh Gia Lai); Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai khoáng chưa được phân vào đâu; Sản xuất các sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất sắt, thép, gang; Đúc kim loại; Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại: các dịch vụ xử lý, gia công kim loại; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ, công trình công ích, công trình công nghiệp và công trình dân dụng kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Cầu đường Phước Hoàng Long

- Địa chỉ trụ sở chính: Khối phố 3, Thị trấn Phú Hòa, Huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng công trình đường bộ; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Lắp đặt hệ thống điện; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Xây dựng nhà các loại; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá: Sản xuất đá chẻ, cắt đá tạo hình theo yêu cầu xây dựng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ công trình; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Bán buôn máy móc, thiết bị chuyên dùng và phụ tùng ngành cầu đường, dân dụng và công nghiệp; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Chuẩn bị mặt bằng; Hoàn thiện công trình xây dựng; Khai thác đá Granit, đá Bazan.
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 80,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ Công ty TNHH Khai thác Khoáng sản Đức Sang Gia Lai

- Địa chỉ trụ sở chính: 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác quặng sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh; Sản xuất đá chẻ, cắt đá theo yêu cầu xây dựng; Mua bán kim loại và quặng kim loại; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Mua bán vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Vận tải hàng; Bốc xếp hàng hóa; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Xây dựng nhà các loại; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Xây dựng các loại công trình: thủy lợi, công nghiệp, đường bộ, điện đến 35 KV.
- Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 60,00%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- ✓ **Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Đắk Nông**
 - Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 9, phường Nghĩa Thành, Thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.
 - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại không chứa sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm; Khai thác: Đá, cát, sỏi, đất sét; Khai khoáng chưa được phân vào đâu; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất: sắt, thép, gang; Đúc kim loại; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại, các dịch vụ xử lý, gia công kim loại; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT và BT); Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy; Bán buôn chuyên doanh khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
 - Vốn điều lệ: 210.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 65,00%.
 - Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- ✓ **Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Gia Lai**
 - Địa chỉ trụ sở chính: 782 Hùng Vương, Thị Trấn Chư Sê, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai.
 - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Đầu tư xây dựng công trình giao thông, khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại không chứa sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh; Khai khoáng chưa được phân vào đâu; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất sắt, thép, gang, đúc kim loại; Sản xuất sản phẩm bằng kim loại, các dịch vụ xử lý, gia công kim loại; Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng, hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy, bán buôn chuyên dụng khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
 - Vốn điều lệ: 210.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 70,00%.
 - Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- ✓ **Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Đức Long Gia Lai**
 - Địa chỉ trụ sở chính: Số 30 Hùng Vương, Thị trấn Chư Sê, Tỉnh Gia Lai.
 - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất sắt, thép, gang; Gia công cơ khí, xử lý tráng phủ kim loại; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Mua bán máy móc thiết bị, phụ tùng máy khác; Mua bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT & BT).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ **Công ty Cổ phần Đức Long Đà Nẵng**

- Địa chỉ trụ sở chính: 47 Bé Văn Đàn, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Kinh doanh vận tải khách theo tuyến cố định. Kinh doanh vận tải hàng, đầu tư xây dựng bến xe, bãi đỗ xe; Dịch vụ ăn uống. Kinh doanh khách sạn, du lịch nhà nghỉ; Dịch vụ vui chơi, giải trí (không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke); Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe; Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, công trình công ích, công trình kỹ thuật. phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng. mua bán sắt thép; Cho thuê máy móc thiết bị xây dựng. kinh doanh xăng tại Quốc lộ 1a, xã Hòa Phước huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng.
- Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 85,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 30/09/2011 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

✓ **Công ty Cổ phần Xây dựng Giao Thông Mười Tùng**

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Hòa Bình, Thị trấn Nhơn Hòa, Huyện Chư Pưh, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng công trình công nghiệp; Đầu tư, xây dựng công trình (theo hình thức BOT & BT); Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Mua bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 30/09/2011 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

✓ **Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Đức Long Gia Lai.**

- Địa chỉ trụ sở chính: 120 Trần Phú, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông; Giáo dục tiểu học; Giáo dục thể thao và giải trí; Giáo dục văn hóa nghệ thuật; Giáo dục khác chưa được phân vào đâu; Dịch vụ hỗ trợ giáo dục.
- Vốn điều lệ: 65.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 55,00%
- Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 30/09/2011 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

✓ **Công ty Cổ phần Điện Đức Long Tà Nung Đà Lạt.**

- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 9, Thôn 4, Xã Tà Nung, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; (Công trình đường bộ, thủy lợi, thủy điện, công trình cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường, giao thông, hạ tầng cơ sở, đường dây và trạm biến áp đến 35KV); Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống điện; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Nuôi trồng thủy sản nội địa; Xây dựng công trình công ích; Hoàn thiện công trình xây dựng; Lập dự án thủy điện, thủy lợi, cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường, công trình hạ tầng cơ sở. Sản xuất, chế tạo, kinh doanh vật tư cơ khí, thiết bị điện, điện tử, thiết bị thông tin liên lạc, tự động hóa chuyên ngành cho các công trình thủy điện, thủy lợi, cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường. Sản xuất vật liệu xây dựng và trang thiết bị nội, ngoại thất (không bao gồm hoạt động chế biến gỗ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng). Dịch vụ lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các mặt hàng công ty kinh doanh. Đầu tư quản lý các dự án công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện (không bao gồm môi giới bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, kinh doanh bất động sản). Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng. Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ điện, cơ khí thủy công các công trình thủy điện lớn và các công trình vừa và nhỏ. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Xây dựng vỏ bao che công trình công nghiệp. Đầu tư cung cấp nước sạch, chế biến vật liệu xây dựng. Khoan phụt, xử lý và gia cố nền móng công trình xây dựng. Đầu tư xây dựng và quản lý khu du lịch sinh thái. Chế tạo, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy nông. Chế tạo, lắp đặt thiết bị thủy điện.

- Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 60,00%
- Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 30/09/2011 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

Các Công ty liên kết

✓ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai.

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 53 Quang Trung, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Tư vấn đầu tư và xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng đô thị; Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn; Lập dự án khả thi, tiền khả thi, báo cáo đầu tư; Thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, tổng dự toán, dự toán; Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu; Thẩm định hồ sơ dự án, thiết kế, dự toán do đơn vị khác lập; Giám sát kỹ thuật thi công, quản lý dự án; Thí nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm tra chất lượng xây dựng công trình; Thi công xây lắp các công trình; Thiết kế các công trình thủy lợi, thủy điện nhỏ; Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện nhỏ; Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp.
- Vốn điều lệ: 2.961.000.000 đồng. Trong đó Công ty sở hữu: 20,00%
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ Công ty Cổ phần Đức Long Tây Nguyên.

- Địa chỉ trụ sở chính: 117-119-121 Trần Phú, Phường Diên Hồng, Tp Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Sản xuất sắt, thép, gang; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng cây cao su; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác quặng sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Chăn nuôi trâu, bò; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Đúc sắt, thép; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Đúc kim loại màu; Chăn nuôi dê, cừu; Chăn nuôi lợn.
- Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty sở hữu: 40,00%
- Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 30/06/2011 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các quy định sửa đổi, bổ sung có liên quan; Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Các công ty con

Công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các công ty này. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Các giao dịch bị loại ra khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch nội bộ và lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con bị loại bỏ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.4 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản nợ dài hạn được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn thì để lại số dư trên báo cáo tài chính, đầu kỳ sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.7 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc, thiết bị	8 – 12
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 8

4.9 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận được quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trừ trường hợp đi thuê đất).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phần mềm máy tính	3 - 5

4.10 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.12 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho khoảng thời gian người lao động làm việc tại Công ty tính đến ngày 31/12/2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

4.13 Chi phí vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.14 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

4.15 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo hai trường hợp:
 - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành.
 - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ được khách hàng xác nhận.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%. Các Công ty con được hưởng các ưu đãi về thuế như sau:
 - Công ty TNHH Khai thác và Chế biến đá Granit Đức Long Gia Lai được áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 15% trong vòng 8 năm (từ năm 2008 đến 2015) và giảm 50% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 6 năm tiếp theo kể từ năm 2008. (Những ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp trên đây được quy định trong Giấy chứng nhận đầu tư số 39221000010 ngày 20/12/2007 của Ban quản lý các KCN Tỉnh Gia Lai).
 - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai áp dụng thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp bằng 25% lợi nhuận thu được. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 39121000119 ngày 12 tháng 01 năm 2011 của UBND Tỉnh Gia Lai, Công ty được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp trong 01 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2007) và giảm 50% cho 04 năm tiếp theo (từ năm 2008 đến năm 2011).
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/09/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt	9.418.652.315	11.772.542.543
Tiền gửi ngân hàng	1.238.736.012	5.347.825.360
Cộng	10.657.388.327	17.120.367.903

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

6. Đầu tư ngắn hạn

	30/09/2011	31/12/2010
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác(gửi tiết kiệm ngân hàng)	-	2.600.000.000
Cho vay ngắn hạn	68.610.707.554	48.529.707.554
	-	-
Cộng	<u>68.610.707.554</u>	<u>51.129.707.554</u>

7. Các khoản phải thu khác

	30/09/2011	31/12/2010
	VND	VND
Thuế GTGT của tài sản thuê tài chính	-	211.857.144
Các khoản phải thu khác	121.719.333.347	147.049.091.325
	-	-
Cộng	<u>121.719.333.347</u>	<u>147.260.948.469</u>

8. Hàng tồn kho

	30/09/2011	31/12/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	117.075.152.563	98.336.944.914
Công cụ dụng cụ	334.335.529	453.845.756
Chi phí SXKD dở dang	150.898.835.544	121.300.143.998
Thành phẩm	24.196.855.961	22.076.438.884
Hàng hóa	87.658.737.268	91.062.691.054
	-	-
Cộng	<u>380.163.916.865</u>	<u>333.230.064.606</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/09/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.222.009.350	360.526.436
Chi phí ngắn hạn chờ phân bổ	699.809.602	564.034.479
Cộng	1.921.818.952	924.560.915

10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	30/09/2011	31/12/2010
	VND	VND
Thuế GTGT nộp thừa		515.766.880
- Thuế GTGT	1.697.651.247	290.360.471
- Thuế xuất, nhập khẩu	220.124.541	220.124.541
- Thuế Thu nhập DN	17.511.897	5.003.334
- Thuế TNCN	-	278.534
Cộng	1.935.287.685	515.766.880

11. Tài sản ngắn hạn khác

	30/09/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tạm ứng	20.229.679.288	13.216.015.879
Bảo đảm tiền vay Ngân hàng Phát triển Gia Lai	-	1.000.000.000
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15.500.000	8.200.000
Cộng	20.245.179.288	14.224.215.879

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, Vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	82.352.816.923	25.868.845.134	23.791.775.702	958.120.199	132.971.557.958
Tăng trong năm	51.299.234.538	7.592.473.436	38.385.240.346	581.614.517	97.858.562.837
Giảm trong năm	-	-	2.704.506.061	-	2.704.506.061
Số cuối năm	133.652.051.461	33.461.318.570	59.472.509.987	1.539.734.716	228.125.614.734
Khấu hao					
Số đầu năm	18.601.488.704	9.599.835.657	6.997.013.106	390.963.787	35.589.301.254
Tăng trong năm	3.485.160.645	2.009.617.977	2.818.949.663	267.591.876	8.581.320.161
Giảm trong năm	-	-	209.025.906	-	209.025.906
Số cuối năm	22.086.649.349	11.609.453.634	9.606.936.863	658.555.663	43.961.595.509
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	63.751.328.219	16.269.009.477	16.794.762.596	567.156.412	97.382.256.704
Số cuối năm	111.565.402.112	21.851.864.937	49.865.573.124	881.179.053	184.164.019.225

13. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	7.611.142.857	4.575.581.788		12.186.724.645
Tăng trong năm	-	-		-
Giảm trong năm	50.000.000	80.072.295		130.072.295
Số cuối năm	7.561.142.857	4.495.509.493		12.056.652.350
Khấu hao				
Số đầu năm	3.196.221.020	1.724.857.051		4.921.078.071
Tăng trong năm	662.238.279	360.335.054		1.022.573.333
Giảm trong năm	50.000.000	80.072.295		130.072.295
Số cuối năm	3.808.459.299	2.005.119.810		5.813.579.109
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	4.414.921.837	2.850.724.737		7.265.646.574
Số cuối năm	3.752.683.558	2.490.389.683		6.243.073.241

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	95.255.882.814	456.845.696	95.712.728.510
Tăng trong năm	-	82.365.000	82.365.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	95.255.882.814	539.210.696	95.795.093.510
Khấu hao			
Số đầu năm	-	179.612.753	179.612.753
Tăng trong năm	-	79.500.034	79.500.034
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	259.112.787	259.112.787
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	95.255.882.814	277.232.943	95.533.115.757
Số cuối năm	95.255.882.814	280.097.909	95.535.980.723

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/09/2011 VND	31/12/2010 VND
Các dự án cao su	76.768.313.930	60.593.809.707
Các dự án bến xe	75.496.520.359	77.486.401.756
Các dự án thủy điện	10.300.043.591	40.073.095.282
Các dự án mỏ	3.130.427.603	1.711.225.265
Dự án Trường học	17.427.273	-
Dự án công trình đường	49.327.156.167	5.778.877.653
Mua sắm tài sản cố định	21.799.890.618	1.298.437.938
Cộng	236.839.779.541	186.941.847.601

16. Bất động sản đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Đây là quyền sử dụng đất lâu dài tại 92 Nguyễn Hữu Cảnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

17. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/09/2011	31/12/2010
	VND	VND
- Đầu tư vào công ty liên kết	8.341.010.169	
+ Góp vốn cho Cty TVTK Xây dựng giao thông Gia Lai	8.341.010.169	
- Đầu tư dài hạn khác	49.298.216.406	15.600.000.000
+ Góp vốn vào công ty Bảo vệ Tây Bình Tây Sơn	5.600.000.000	5.600.000.000
+ Trái phiếu ngân hàng công thương	10.000.000.000	10.000.000.000
+ Cho vay dài hạn Cty CP ĐT PT DVCTCC ĐLGL	0	
+ Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn(13 tháng)	1.000.000.000	
+ Cho cá nhân vay	32.698.216.406	
Cộng	57.639.226.575	15.600.000.000

(i) Góp vốn vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Tây Bình Tây Sơn đến thời điểm 30/09/2011 là: 5.600.000.000 đồng (tương đương 56.000 cổ phần), chiếm tỷ lệ 18,6% vốn điều lệ. Cổ phiếu của Công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại ngày 30/09/2011. Công ty này có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, khoản đầu tư vào Công ty này được ghi nhận theo giá gốc.

18. Chi phí trả trước dài hạn

	30/09/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.416.289.103	3.299.125.010
Chi phí dài hạn chờ phân bổ	5.971.830.359	527.894.809
Cộng	8.388.119.462	3.827.019.819

19. Tài sản dài hạn khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	30/09/2011	31/12/2010
	VND	VND
Khoản ký quỹ, ký cược(Công ty cho thuê Tài chính II)	304.200.000	750.200.000
Khoản ký quỹ môi trường	91.000.000	91.000.000
Cộng	395.200.000	841.200.000

20. Vay và nợ ngắn hạn

	30/09/2011	31/12/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn	341.860.117.044	312.729.326.219
- Ngân hàng Công Thương Gia Lai	49.551.000.000	47.831.000.000
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Gia Lai	270.415.373.142	221.977.638.937
- Ngân hàng Kỹ Thương - CN Gia Lai	2.000.000.000	
- Ngân hàng GPBank - CN Gia Lai	400.000.000	
- Ngân hàng Ngoại Thương Gia Lai	6.635.000.000	6.630.000.000
- Ngân hàng Phát Triển Gia Lai	-	19.800.000.000
- Ngân hàng Eximbank_CN Tân Sơn Nhất	9.711.000.000	14.397.123.380
- Ngân hàng Sài Gòn Thương tín - CN Gia Lai	234.000.000	
- Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và PT Đắknong	-	476.630.000
- Vay cá nhân	2.913.743.902	1.616.933.902
Nợ dài hạn đến hạn trả	29.677.340.274	25.217.836.000
- Ngân hàng Công Thương Gia Lai	26.210.908.274	250.000.000
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Gia Lai	735.000.000	20.480.000.000
- Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và PT Đắknong	815.000.000	
- Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - CN Gia Lai	-	312.000.000
- Ngân hàng Thương mại CP Kỹ Thương VN - CN Gia Lai	218.052.000	290.736.000
- Ngân hàng Thương mại CP XNK VN_CN Tân Sơn Nhất	250.200.000	1.000.800.000
- Công ty cho thuê tài chính II tại khánh Hòa	1.448.180.000	2.884.300.000
Cộng	371.537.457.318	337.947.162.219

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/09/2011	31/12/2010
--	-------------------	-------------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	VND	VND
+ Thuế GTGT đầu ra	2.359.826.545	10.708.085.251
+ Thuế Thu nhập cá nhân	149.634.844	60.359.595
+ Thuế Thu nhập doanh nghiệp	19.742.362.524	11.837.335.877
+ Thuế Tài nguyên	190.203.780	99.936.390
+ Tiền thuê đất, thuế nhà đất	2.621.521.500	2.509.500.000
+ Tiền xuất nhập khẩu	-	-
+ Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	49.478.006	
Cộng	25.113.027.199	25.215.217.113

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

22. Chi phí phải trả

	30/09/2011	31/12/2010
	VND	VND
- Lãi vay phải trả	14.861.218.881	1.507.683.969
- Trích trước chi phí hạng mục CT cây xăng	1.109.096.364	3.159.090.909
- Chi phí khác	210.000.000	225.323.341
Cộng	16.180.315.245	4.892.098.219

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/09/2011	31/12/2010
	VND	VND
+ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	300.902.012	41.678.184
+ Bảo hiểm thất nghiệp	28.746.533	34.337.424
+ Kinh phí công đoàn	26.713.785	16.724.126
+ Tạm ứng (dư có)	6.153.997	15.329.195
+ Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	239.400.000	215.800.000
+ Cổ tức phải trả	771.047.955	770.971.755
+ Các khoản phải trả. Phải nộp khác	136.013.340.999	212.072.765.396
Cộng	137.386.305.281	213.167.606.080

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

24. Vay và nợ dài hạn

	30/09/2011	31/12/2010
	VND	VND
a. Vay dài hạn	171.442.035.832	104.723.142.274
+ Ngân hàng Công thương Gia Lai(1)	56.184.000.000	16.785.000.000
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Gia Lai(2)	70.407.833.832	61.613.172.274
+ Ngân hàng Sài Gòn thương Tín CN Gia Lai(3)	156.000.000	312.000.000
+ Ngân hàng TMCP Việt A - CN Quảng Ngãi(4)	27.074.803.000	22.535.803.000
+ Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam- CN Gia Lai(5)	579.769.000	644.767.000
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển ĐakNong(6)	2.052.830.000	
+ Ngân hàng Sacombank(7)	12.154.400.000	
+ Ngân hàng TMCP XNK VN_CN Tân Sơn Nhất(8)	2.832.400.000	2.832.400.000
b. Nợ dài hạn	491.400.000	3.344.100.000
- CN Công ty Thuế tài chính II tại Khánh Hòa	491.400.000	3.344.100.000
Cộng	171.933.435.832	108.067.242.274

25. Doanh thu chưa thực hiện

	30/09/2011	31/12/2010
	VND	VND
- Doanh thu bán căn hộ	7.459.486.029	6.482.339.634
- Doanh thu cho thuê cây xăng	429.545.451	486.818.176
- Doanh thu dịch vụ bảo vệ	0	46.741.417
- Lãi trái phiếu Ngân hàng Công Thương	13.029.452	852.279.452
Cộng	7.902.060.932	7.868.178.679

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

26. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn chủ sở hữu	Thặng dư vốn CP	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	LN sau thuế chưa phân phối
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2010	291.000.000.000	13.335.942.000	(123.938.157)	6.303.832.983	453.469.926	21.902.760.955
Tăng trong năm			1.201.252.047		1.214.496.860	
Lợi nhuận tăng trong năm						65.712.809.779
Giảm trong kỳ			280.272.750			2.857.611.444
Số dư tại 31/12/2010	291.000.000.000	13.335.942.000	797.041.140	6.303.832.983	1.667.966.786	84.757.959.290
	-					
Số dư tại 01/01/2011	291.000.000.000	13.335.942.000	797.041.140	6.303.832.983	1.667.966.786	84.757.959.290
Tăng trong kỳ	29.098.270.000	-	1.178.021.674	2.132.172.541	205.009.803	-
Lợi nhuận tăng trong kỳ		-	-	-	-	26.919.922.616
Giảm trong kỳ	-	9.893.230.000	1.824.755.199	-	-	23.212.800.310
Số dư tại 30/09/2011	320.098.270.000	3.442.712.000	150.307.615	8.436.005.524	1.872.976.589	88.465.081.596

b. Cổ phiếu

	30/09/2011	31/12/2010
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	32.009.827	29.100.000
- Cổ phiếu thường	32.009.827	29.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	32.009.827	29.100.000
- Cổ phiếu thường	32.009.827	29.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.009.827	29.100.000
- Cổ phiếu thường	32.009.827	29.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	9 tháng đầu năm 2011 VND	9 tháng đầu năm 2010 VND
Tổng doanh thu	626.897.258.447	801.147.334.241
- Doanh thu bán gỗ, sản phẩm từ gỗ	280.095.699.229	192.106.384.477
- Doanh thu bán phân bón	123.216.904.763	396.388.095.240
- Doanh thu công trình Xây dựng	167.108.068.893	170.395.063.716
- Doanh thu căn hộ	-	5.477.995.460
- Doanh thu cho thuê tài sản	104.999.997	5.469.265.620
- Doanh thu bán hàng	13.982.737.227	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.856.689.060	8.526.829.225
- Doanh thu bán đá	14.513.604.328	10.696.935.528
- Doanh thu bán điện	1.359.818.600	-
- Doanh thu dịch vụ bến xe	16.658.736.350	12.086.764.975
Các khoản giảm trừ doanh thu	5.532.466.385	115.195.149
- Hàng bán bị trả lại (sản phẩm từ gỗ)	5.532.466.385	90.226.149
- Giảm giá hàng bán	-	24.969.000
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	621.364.792.062	801.032.139.092

28. Giá vốn hàng bán

	9 tháng đầu năm 2011 VND	9 tháng đầu năm 2010 VND
Giá vốn hàng hóa đã cung cấp	525.259.457.776	689.990.942.890
- Giá vốn bán gỗ, sản phẩm từ gỗ	259.688.581.064	179.274.537.178
- Giá vốn bán phân bón	123.009.523.812	379.215.014.801
- Giá vốn công trình Xây dựng	112.277.718.224	103.473.372.209
- Giá vốn căn hộ	(5.758.345.157)	3.681.115.391
- Giá vốn cho thuê tài sản	10.980.141	4.569.618.253
- Giá vốn bán hàng	11.873.888.303	-
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	8.007.883.641	6.880.500.725
- Giá vốn bán đá	9.264.002.364	8.594.045.843
- Giá vốn bán điện	240.407.359	-
- Giá vốn dịch vụ bến xe	6.644.818.025	4.302.738.490
Cộng	525.259.457.776	689.990.942.890

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	9 tháng đầu năm 2011	9 tháng đầu năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	16.677.181.537	3.503.937.673
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	579.276.621	14.527.068
Cổ tức lợi nhuận được chia	364.509.000	345.005.000
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	839.250.000	
Cộng	18.460.217.158	4.046.742.591

30. Chi phí hoạt động tài chính

	9 tháng đầu năm 2011	9 tháng đầu năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	34.506.569.720	12.500.607.544
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	451.099.589	225.610.852
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	0	3.654.545.914
Lãi trái phiếu	13.871.000.000	
Lãi thuê tài chính		289.000.000
Cộng	48.828.669.309	16.669.764.310

31. Thu nhập khác

	9 tháng đầu năm 2011	9 tháng đầu năm 2010
	VND	VND
Thu nhượng bán, thanh lý TSCĐ	2.784.578.356	
Thu bán phế liệu	0	1.084.487.521
Thu cho thuê tài sản	775.859.154	881.266.834
Thu bán trang phục	131.691.369	
Thu khác	313.450.036	198.359.080
Cộng	4.005.578.915	2.164.113.435

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

32. Chi phí khác

	9 tháng đầu năm 2011	9 tháng đầu năm 2010
	VND	VND
Thanh lý TSCĐ	2.575.552.450	
Chi phí cho thuê tài sản	678.387.580	
Nộp phạt thuế, phạt nộp chậm	383.854.844	48.501.572
Thanh lý sản phẩm hỏng	0	1.527.775
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	45.999.216	11.646.000
Chi phí khác	894.561.855	1.162.206.966
Cộng	4.578.355.945	1.223.882.313

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	9 tháng đầu năm 2011	9 tháng đầu năm 2010
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	26.919.922.616	44.311.333.203
Các khoản điều chỉnh để xác định LN phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	0	
Lợi nhuận phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	26.919.922.616	44.311.333.203
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	32.009.827	29.100.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	840,99	1.522,73

34. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)



Gia Lai, ngày 16 tháng 11 năm 2011

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Tùng

Người lập biểu

Trần Thị Tinh Tú

